TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2023/DS-ST
Ngày: 30 – 3 – 2023
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 13/2023/HPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: ÔngTrịnh Đình N, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng H , sinh năm 2000; Địa chỉ cư trú: 334 Đại lộ B , khu phố, phường M , thị xã B , tỉnh Bình Dương (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường M, thị xã C , tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Đình N – chị Nguyễn Hồng Hạnh trình bày:

Vào ngày 16/5/2018 ông Trịnh Đình N có cho Ông Nguyễn Văn T vay số tiền 500.000.000 đồng để Ông Nguyễn Văn T mua máy móc, thiết bị, vật liệu phục vụ cho công việc xây dựng của Ông T. Khi vay Ông Nguyễn Văn T có viết "Giấy cho mượn tiền" ngày 16/5/2018, hai bên không thỏa thuận lãi, thỏa thuận

trong thời gian 01 tháng là đến ngày 16/6/2018 thì Ông T phải trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay sau nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng Ông T né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó ông Trịnh Đình N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ông N số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn T trình bày: Quá trình tố tụng, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn Ông Nguyễn Văn T như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo yêu cầu bị đơn có ý kiến bằng văn bản và cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Ngày 14/3/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn Ông Nguyễn Văn T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 184 BLTTDS 2015; Điều 463, 466, 470 BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Trịnh Đình N số tiền 500.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 3, phường M, thị xã C , tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo nội dung "Giấy cho mượn tiền" ngày 16/5/2018 thể hiện Ông Nguyễn Văn T vay số tiền 500.000.000 đồng của ông Trịnh Đình N; không có lãi suất; thời hạn trả vào ngày 16/6/2018; Ông T có ký tên bên mượn tiền Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên giao kết có nội dung phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham giao ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nguyễn Văn T không có ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh (nếu có) về việc chấp nhận hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Vào ngày 26 tháng 12 năm 2022, Tòa đã ban hành thông báo số 45/TB-TA về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến bằng văn bản và cung cấp tài liệu, chứng cứ (nếu có) để chứng minh cho sự phản đối đó có căn cứ và hợp pháp theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Ông T mặc dù nhận được thông báo của Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc có phản đối hay chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét cho bị đơn.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Đình N là có căn cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn Ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Trịnh Đình N số tiền 500.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Nguyên đơn ông Trịnh Đình N không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012081 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ông N là: 500.000.000 đồng = 20.000.000 + (4% x 100.000.000 đồng) = 24.000.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đình N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Ông Nguyễn Văn T.

Buộc Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Đình N số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trịnh Đình N được trả lại số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012081 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn T phải chịu 24.000.000 đồng

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có người đại diện tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Thị Thu Hà